

UBND HUYỆN ĐỨC CƠ
BCĐ CÁC CTMTQG HUYỆN
GIAI ĐOẠN 2016-2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 70 /BCĐ-NTM

Đức Cơ, ngày 26 tháng 5 năm 2017

V/v báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới 6 tháng đầu năm; kế hoạch thực hiện nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2017

Kính gửi:

- Công ty TNHH MTV: 72, 74, Công ty TNHH MTV tổng Công ty 15- Chi nhánh Công ty 75;
- Lữ đoàn Công binh 280;
- Đồn Biên phòng: Cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh, Ia Nan, Ia Pnôn.
- Thành viên BCĐ các Chương trình MTQG huyện giai đoạn 2016-2020;
- Ban chỉ đạo, UBND các xã.

Thực hiện Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG huyện giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 36/QĐ-BCĐCTMTQG, ngày 29/3/2017.

Để kịp thời tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 6 tháng đầu năm; kế hoạch thực hiện nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2017, báo cáo UBND huyện và cấp trên. Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG huyện giai đoạn 2016-2020 huyện yêu cầu thành viên Ban chỉ đạo huyện; Ban chỉ đạo, UBND các xã và các đơn vị liên quan báo cáo kết quả thực hiện như sau:

1. Ban chỉ đạo, UBND các xã: Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới 6 tháng đầu năm; kế hoạch thực hiện 6 tháng cuối năm 2017. Rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới theo Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh (theo mẫu đề cương báo cáo, phụ lục số 1 đính kèm).

2. Các thành viên Ban chỉ đạo huyện:

- Các thành viên phụ trách tiêu chí NTM: Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí NTM theo lĩnh vực ngành phụ trách trên địa bàn 09 xã (theo Quyết định số 36/QĐ-BCĐCTMTQG, ngày 29/3/2017) và kết quả thực hiện các chương trình, dự án mà đơn vị đang triển khai thực hiện.

- Các thành viên còn lại: Báo cáo kết quả thực hiện các chương trình, dự án đơn vị đang triển khai thực hiện

(Báo cáo theo mẫu đề cương và biểu mẫu đính kèm).

3. Đề nghị Ủy ban MTTQVN huyện, Huyện đoàn, Hội Nông dân huyện, Hội Cựu chiến binh huyện, Hội Liên hiệp phụ nữ huyện: Báo cáo kết quả thực

hiện các Chương trình hành động, hoạt động xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện trong 6 tháng năm; kế hoạch thực hiện 6 tháng cuối năm 2017.

4. Đề nghị Lữ đoàn Công binh 280; Công ty TNHH MTV 72, 74, Công ty TNHH MTV tổng Công ty 15- Chi nhánh Công ty 75; Đồn Biên phòng: Cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh, Ia Nan, Ia Pnôn: Báo cáo kết quả thực hiện “Quân đội chung sức xây dựng nông thôn mới” trong 6 tháng đầu năm; kế hoạch thực hiện 6 tháng cuối năm 2017 trên địa bàn huyện theo mẫu đề cương và biểu mẫu đính kèm.

Kết quả thực hiện của các đơn vị, gửi về Ban chỉ đạo huyện (thông qua cơ quan thường trực là Phòng Nông nghiệp-PTNT huyện), trước ngày **10/6/2017** để tổng hợp.

Nhận được Công văn này, đề nghị các thành viên Ban chỉ đạo huyện; Ban chỉ đạo, UBND các xã và các đơn vị Quân đội triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Trường BCĐ các CTMTQG huyện (th b/c);
- Phòng NNPTNT (t/hợp);
- Lưu VT-BCĐ-NTM.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Trịnh Văn Thành**



MẪU HƯỚNG DẪN BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới
6 tháng đầu năm; kế hoạch nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2017**
(Kèm theo Công văn số 70/BCĐ-NTM, ngày 26/5/2017 của BCĐ
các Chương trình MTQG huyện giai đoạn 2016-2020).

I. Kết quả triển khai thực hiện:

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành.
2. Về công tác tuyên truyền, vận động:
3. Về công tác huy động nguồn lực:
 - + Kết quả huy động nguồn vốn ngân sách Nhà nước: Nêu cụ thể tên công trình, quy mô, tổng kinh phí thực hiện.
 - + Kết quả huy động đóng góp của doanh nghiệp, đơn vị đứng chân trên địa bàn xã: Nêu cụ thể công trình/dự án, kinh phí, quy mô, địa điểm các đơn vị thực hiện.
 - + Kết quả huy động nhân dân đóng góp: Nêu cụ thể công trình nhân dân xây dựng, hiến ngày công, hiến đất, đóng góp tiền thực hiện xây dựng nông thôn mới như: Xây dựng đường giao thông, hỗ trợ xây dựng nhà ở, làm nhà sinh hoạt cộng đồng, sửa chữa giọt nước....
4. Về tiến độ thực hiện nguồn vốn đầu tư trực tiếp xây dựng nông thôn mới được phân bổ trong năm 2017 theo Quyết định số 365/QĐ-UBND, ngày 06/3/2017 của UBND huyện.
5. Về tiến độ 19 tiêu chí nông thôn mới theo Quyết định số 250/QĐ-UBND, ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh (Theo biểu đính kèm).
6. Các nội dung khác:

II. Đánh giá chung:

1. Khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện:
2. Nguyên nhân và đề xuất các giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2017

III. Kế hoạch thực hiện 6 tháng cuối năm 2017:

Kế hoạch thực hiện tập trung vào việc đạt các chỉ tiêu tiêu chí đề ra trong năm 2017:

- Về công tác chỉ đạo, điều hành.
- Về công tác tuyên truyền, vận động.
- Về thực hiện các tiêu chí đăng ký đạt chuẩn trong năm 2017
- Về huy động nguồn đóng góp từ các đơn vị, cá nhân trên địa bàn xã phục vụ xây dựng nông thôn mới.

IV. Kiến nghị, đề xuất:

Nội dung các kiến nghị, đề xuất phải tập trung giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để đạt các chỉ tiêu đề ra trong năm 2017./.

Phụ lục 1:
BIỂU TỔNG HỢP

Kết quả rà soát Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã
(Đến thời điểm dự kiến đến 30/6/2017)

(Kèm theo Công văn số 70 /BCĐ-NTM, ngày 26/5/2017 của BCĐ các Chương trình MTQG huyện)

Số TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chuẩn theo quy định	Hiện trạng	Đánh giá
			Theo QĐ số 250/QĐ-UBND, ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh Gia Lai		(Đạt hoặc chưa đạt)
I. Quy hoạch					
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt		
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt		
II. Hạ tầng kinh tế-xã hội					
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%		
		2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	≥ 70%		
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	100%; Trong đó: tỷ lệ cứng hóa ≥ 50%		
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	≥ 70%		
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	Đạt		
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt		
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt		
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥ 98%		
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: MN, MG, TH, THCS có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	≥ 70%		



6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt		
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt		
		6.3. Tỷ lệ thôn, làng có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%		
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt		
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt		
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt		
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Đạt		
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt		
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không có		
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	$\geq 75\%$		

III. Kinh tế và tổ chức sản xuất

10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn (triệu đồng/người/năm)	Năm 2017: Xã khu vực III: ≥ 26 triệu đồng; xã khu vực I, II: ≥ 31 triệu đồng		
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	$\leq 7\%$		
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	$\geq 90\%$		
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt		
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt		

IV. Văn hóa – xã hội – môi trường

14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt		
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp).	$\geq 70\%$		
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	$\geq 25\%$		

15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	$\geq 85\%$		
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt		
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao	$\leq 31,4\%$		
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	$\geq 70\%$		
17	Môi trường và An toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	$\geq 95\%$ ($\geq 50\%$ nước sạch)		
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%		
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt		
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt		
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt		
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	$\geq 70\%$		
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	$\geq 60\%$		
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%		

V. Hệ thống chính trị

18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.	Đạt		
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt		
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt		
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	100%		
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt		
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt		

19	Quốc phòng và an ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt		
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt		

Tổng hợp: Xã có...../19 tiêu chí;/49 nội dung tiêu chí NTM

Phụ lục 2:
BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ:

**Thành viên BCD huyện báo cáo kết quả thực hiện 19 tiêu chí NTM trong 6 tháng đầu năm;
kế hoạch thực hiện 6 tháng cuối năm 2017 theo lĩnh vực ngành phụ trách.**

(Kèm theo Công văn số 70 /BCĐ-NTM, ngày 26/5/2017 của BCD các CTMTQG huyện)

STT	Tên đơn vị	Đơn vị chịu trách nhiệm rà soát, báo cáo theo lĩnh vực của ngành
1	Phòng Kinh tế- Hạ tầng	Tiêu chí 1 (Quy hoạch)
		Tiêu chí 2 (Giao thông)
		Tiêu chí 7 (Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn)
		Tiêu chí 9 (Nhà ở dân cư)
		Tiêu chí 17 (Môi trường và an toàn thực phẩm): Mục 17.4
02	Phòng Nông nghiệp-PTNT	Tiêu chí 3 (Thủy lợi)
		Tiêu chí 13 (Tổ chức sản xuất)
		Tiêu chí 17 (Môi trường và an toàn thực phẩm): Mục 17.1, 17.6, 17.7, 17.8
03	Công ty Điện lực Đức Cơ	Tiêu chí 4 (Điện)
04	Phòng Giáo dục- Đào tạo	Tiêu chí 5 (Trường học)
		Tiêu chí 14 (Giáo dục và Đào tạo): Mục 14.1, 14.2
05	Phòng Văn hóa -Thông tin	Tiêu chí 6 (Cơ sở vật chất văn hóa)
		Tiêu chí 8 (Thông tin và Truyền thông)
		Tiêu chí 16 (Văn hóa)
06	Chi cục Thống kê	Tiêu chí 10 (Thu nhập)
07	Phòng Lao động-TBXH	Tiêu chí 11 (Hộ nghèo)
		Tiêu chí 12 (Lao động có việc làm)
		Tiêu chí 14 (Giáo dục và đào tạo): Mục 14.3
		Tiêu chí 18 (Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật): Mục 18.6
08	Phòng Y tế	Tiêu chí 15 (Y tế)
09	Phòng Tài nguyên-MT	Tiêu chí 17 (Môi trường và an toàn thực phẩm): Mục 17.2, 17.3, 17.5
10	Phòng Nội vụ	Tiêu chí 18 (Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật): Mục 18.1, 18.2, 18.3, 18.4
11	Phòng Tư Pháp	Tiêu chí 18 (Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật): Mục 18.5
12	BCH Quân sự huyện	Tiêu chí 19 (Quốc phòng và An ninh): Mục 19.1
13	Công an huyện	Tiêu chí 19 (Quốc phòng và An ninh): Mục 19.2

Đơn vị báo cáo:
Công ty Điện lực Đức Cơ

MẪU 1:

TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN CÁC XÃ TRONG 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

(Kèm theo Công văn số: 70 /BCĐ-NTM, ngày 26 /5/2017 của Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG huyện)

TT	Nội dung đầu tư (Công trình/dự án)	Địa điểm (thôn, làng - xã).	Quy mô, năng lực thiết kế	Kế hoạch năm 2017	Ước thực hiện đến 30/6/2017	Ghi chú
I	Chương trình, dự án					
1	Nội dung hạng mục, đầu tư					
2	Nội dung hạng mục, đầu tư					
....						
II	Chương trình, dự án					
1	Nội dung hạng mục, đầu tư					
2	Nội dung hạng mục, đầu tư					
....						
III	Chương trình, dự án					
1	Nội dung hạng mục, đầu tư					
2	Nội dung hạng mục, đầu tư					
....						
n	Chương trình, dự án					
1	Nội dung hạng mục, đầu tư					
2	Nội dung hạng mục, đầu tư					
....						
	TỔNG CỘNG					